TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diễm Huyền
2. Ông Thiều Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" thụ lý số 492/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn B, địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Huyền T, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 28/11/2018. Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Đan V sinh ngày 18/5/2019. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Nay ông B yêu cầu ly hôn bà T; về con chung hiện đang sống với bà T nếu bà T không nuôi thì ông B nhận nuôi và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Bà T thừa nhận phần trình bày của ông B về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; bà T cho biết từ khi vợ chồng cưới nhau sống hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng không còn tình cảm nữa, đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay và bà cũng sẽ không quay lại để tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông B nữa; con chung là cháu Trần Nguyễn Đan V sinh ngày 18/5/2019 hiện bà T đang nuôi nay bà đồng ý tiếp tục nuôi con mà không yêu cầu ông B cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ bà T không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Huyền T là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông Bảo nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân, bà T đã trở về nhà cha mẹ ruột để ở cách nay đã hơn 06 tháng và không thể hàn gắn, nên ông B yêu cầu ly hôn bà T. Về phía bà T, Tòa án triệu tập tham dự các phiên hòa giải nhưng bà không đến, Tòa án trực tiếp xác minh người thân, gia đình và lấy lời khai bà T thì được biết bà và ông Bảo đã không còn chung sống với nhau nữa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật chứ bà không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn. Xét thấy trên thực tế, bà T và ông B đang sống ly thân, mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng không mang lại kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay ông B kiên quyết yêu cầu ly hôn, bà T cũng không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông B nữa; do đó xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B.

[3] Về con chung: Ông B và bà T có 01 con chung chưa thành niên là cháu V (dưới 36 tháng tuổi) đang ở với bà T, bà T đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, ông B cũng không tranh chấp. Xét thấy ở thời điểm hiện tại, về tuổi đời của cháu hiện đang còn quá nhỏ, nên rất cần sự đùm bọc quan tâm, chăm

sóc, dạy dỗ từ phía người mẹ, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên; đồng thời pháp luật cũng có quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"* (khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình), do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp. Bà T được quyền trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo các quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Văn B được ly hôn bà Nguyễn Thị Huyền T.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Nguyễn Đan V sinh ngày 18/5/2019 cho bà Nguyễn Thị Huyền T để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006758, ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã H, huyện C-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu